

Ngày thi: 20/01/2014

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		20	20	20	30				100			
1	178224851	NGUYỄN NGỌC	TUẤN	T17XDCB	0		0	0	0	0				0.0	Không		
2	178224852	NGUYỄN THÁI	QUỐC	T17XDCB	0		0	0	0	0				0.0	Không		
3	178224853	HOÀNG NHƯ	BÓN	T17XDCB	10		8	9	9	6				8.0	Tám		
4	178224854	TRẦN XUÂN	NAM	T17XDCB	10		7.5	7	9	6				7.5	Bảy phẩy Năm		
5	178224855	TRƯƠNG TẤN	HẢI	T17XDCB	10		6	7	8	6				7.0	Bảy		
6	178224856	NGUYỄN VĂN	HÀ	T17XDCB	10		7.5	8	8	7				7.8	Bảy phẩy Tám		
7	178224857	PHẠM	LỘC	T17XDCB	10		6.5	8	8	6				7.3	Bảy phẩy Ba		
8	178224858	TRẦN TRỌNG	ANH	T17XDCB	10		8.5	8	8	7				8.0	Tám		
9	178224859	VƯƠNG TRẦN	LỘC	T17XDCB	10		8	7	8	7				7.7	Bảy phẩy Bảy		
10	178224861	TRẦN VĂN	TUẤN	T17XDCB	10		6	5	7	9				7.3	Bảy phẩy Ba		
11	178224862	CAO BÁ	LONG	T17XDCB	10		7.5	8	9	7				8.0	Tám		
12	178224863	NGUYỄN ĐỨC	THỌ	T17XDCB	10		6.5	8	9	6				7.5	Bảy phẩy Năm		
13	178224864	MAI XUÂN	LAN	T17XDCB	10		8	9	8	6				7.8	Bảy phẩy Tám		
14	178224868	ĐOÀN GIA	HUYNH	T17XDCB	10		7.5	7	8	7				7.6	Bảy phẩy Sáu		
15	178224869	PHAN HỮU	TÀI	T17XDCB	10		7.5	7	9	7				7.8	Bảy phẩy Tám		
16	178224870	HỒ QUANG	THONG	T17XDCB	10		7.5	7	6	6				6.9	Sáu phẩy Chín		
17	178224872	ĐINH VĂN	LONG	T17XDCB	10		6	7	6	5				6.3	Sáu phẩy Ba		
18	178224873	TRẦN VĂN	CƯỜNG	T17XDCB	10		6.5	6	6	5				6.2	Sáu phẩy Hai		
19	178224874	ĐINH VĂN	DƯƠNG	T17XDCB	10		7.5	7	8	5				7.0	Bảy		
20	178224877	LƯU HỒNG	THÁI	T17XDCB	10		7.5	7	8	6				7.3	Bảy phẩy Ba		
21	178224879	TRẦN VĂN	CHÍ	T17XDCB	7.5		0	7	7	7				5.7	Năm phẩy Bảy		
22	168222063	NGUYỄN ĐÔNG	ANH	T17XDCB	10		6.5	8	9	8				8.1	Tám phẩy Một		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	20	91%	
2	Số sinh viên nợ	2	9%	
TỔNG CỘNG :		22	100%	

LẬP BẢNG

Phan Thanh Tâm

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Kim Ngọc Lan

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 01 năm 2014
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

ThS. Nguyễn Ân